TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 105/2021/QĐST-HNGĐ	*Tân Phú Đông, ngày 19 tháng 10 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 73/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Anh Lê Công T2, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Tổ chức T – Chi nhánh M.

Địa chỉ: Số 09 đường R, Phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

+ Anh Nguyễn Văn Anh T3, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

+ Chị Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

+ Bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57 và 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 10 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 10 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thanh T1 và anh Lê Công T2.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thanh T1 và anh Lê Công T2.

- Về con chung: Chị T1 và anh T2 có 01 con chung là cháu Lê Nguyễn Bảo T5, sinh ngày 31/01/2020.

Chị T1 và anh T2 thỏa thuận, thống nhất giao cháu T5 cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh T2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T2 được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí:

+ Chị T1 tự nguyện chịu toàn bộ 150.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T1 đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 49793 ngày 10/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông, nên hoàn lại cho chị T1 150.000 đồng.

+ Anh T2 không phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phú Đông;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông;
- UBND xã T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thơm